

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Sinh thời Bác Hồ dạy bảo học sinh và sinh viên Việt Nam học tập tại các trường đào tạo cán bộ thể dục thể thao

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Một số suy nghĩ về phát triển Thể dục thể thao người khuyết tật

BÀI BÁO KHOA HỌC

9. Nguyễn Văn Phúc

Xác định các thành tố cấu thành mô hình giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao

13. Đỗ Hữu Trường; Nguyễn Thị Thảo Mai

Đánh giá thực trạng hoạt động các môn thể thao mạo hiểm của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ

16. Nguyễn Cẩm Ninh; Phạm Thế Vượng

Thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân Thể dục thể thao ngành Quản lý Thể dục thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

21. Nguyễn Văn Hòa

Thực trạng biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động liên kết Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

25. Cao Ngọc Thành

Lựa chọn và ứng dụng các bài tập hỗ trợ nâng cao hiệu quả kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân cho nam sinh viên khối không chuyên Trường Đại học Hồng Đức

30. Hồ Như Tùng

Thực trạng hoạt động của câu lạc bộ Cờ vua tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Sơn La

35. Lê Trung Kiên

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Câu lạc bộ Bóng rổ Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

39. Nguyễn Hoài Phương

Nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá khả năng di chuyển trong môn Đá cầu của nam sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

43. Nguyễn Ngọc Bích

Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của học sinh các trường Trung học phổ thông tỉnh Thái Nguyên

48. Nguyễn Duy Hùng; Dương Thái Bình

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao tốc độ di chuyển trong môn Cầu lông cho nam sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

52. Đậu Thị Lợi; Nguyễn Danh Bắc

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá năng lực bơi phổ cập của học sinh 9-10 tuổi Câu lạc bộ Bơi Trung tâm Thể thao Ba Đình, Hà Nội

57. Phạm Đức Thạch; Dương Văn Dũng

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng và kết quả học tập thực hành kỹ thuật nhảy xa ưỡn thân của sinh viên ngành Giáo dục thể chất – Đại học Huế

60. Ngô Hải Hưng; Ngô Trung Dũng

Thực trạng công tác đánh giá trình độ tập luyện của vận động viên Cầu lông Đội tuyển quốc gia tại Trung tâm Đào tạo vận động viên, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

65. Nguyễn Ngọc Minh

Lựa chọn bài tập cải thiện sức khỏe hậu Covid-19 cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội

70. Vũ Thành Long; Trương Đức Thăng; Nguyễn Thị Thu Hiền; Ngô Thị Anh

Đặc điểm chấn thương vùng/ bộ phận cơ thể thường gặp ở vận động viên Cầu lông các Đội tuyển quốc gia

74. Lê Thị Uyên Phương; Huỳnh Văn Minh; Nguyễn Phan Bảo Thành; Nguyễn Thị Diễm Thương; Trần Thị Thùy Linh

Đánh giá dịch tễ học bệnh tăng huyết áp độ 1 ở người cao tuổi tại thành phố Huế

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

78. Minh Đức

Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh – Giai đoạn hình thành và xây dựng

80. Thể lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

During Uncle Ho's time, he taught Vietnamese students to study at schools training sports officials

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

Some thoughts on sports development for people with disabilities

ARTICLES

9. Nguyen Van Phuc

Identify the components that make up the risk mitigation model in sports activities

13. Do Huu Truong; Nguyen Thi Thao Mai

Assessing the current status of adventure sports activities in the Northern Midlands and Mountains region

16. Nguyen Cam Ninh; Pham The Vuong

Current status of training activities for Bachelor of Sports in Sports Management major at Bac Ninh Sports University

21. Nguyen Van Hoa

Current status of risk management measures in joint activities of National Defense and Security Education at the Center for National Defense and Security Education, Bac Ninh Sports University

25. Cao Ngoc Thanh

Selecting and applying supplementary exercises to improve the effectiveness of soccer kicking technique with the soles of the feet for non-specialized male students at Hong Duc University

30. Ho Nhu Tung

Current status of Chess clubs at primary schools in Son La City

35. Le Trung Kien

Selecting and applying exercises to develop strength and speed for male students of the Basketball Club at the University of Sciences - Thai Nguyen University

39. Nguyen Hoai Phuong

Research on standards for assessing movement ability in shuttlecock of male students majoring in Physical Education at Hanoi University of Education

43. Nguyen Ngoc Binh

Current status and needs of extracurricular physical training and sports of students in high schools in Thai Nguyen province

48. Nguyen Duy Hung; Duong Thai Binh

Selecting and applying exercises to improve movement speed in Badminton for male students not majoring in Physical Education at Hong Duc University

52. Dau Thi Loi; Nguyen Danh Bac

Developing standards for assessing universal swimming ability of 9-10 year old students at the Swimming Club of Ba Dinh Sports Center, Hanoi

57. Pham Duc Thach; Duong Van Dung

The current status of influencing factors and learning outcomes of practicing the long jump technique of students in Physical Education major - Hue University

60. Ngo Hai Hung; Ngo Trung Dung

Status of assessment of training level for Badminton athletes of the National Team at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

65. Nguyen Ngoc Minh

Choosing exercises to improve health after Covid-19 for students of Hanoi National University

70. Vu Thanh Long; Truong Duc Thang; Nguyen Thi Thu Hien; Ngo Thi Anh

Characteristics of injuries to common areas/body parts in Badminton athletes of the National Teams

74. Le Thi Uyen Phuong; Huynh Van Minh; Nguyen Phan Bao Thanh; Nguyen Thi Diem Thuong; Tran Thi Thuy Linh

Epidemiological assessment of grade 1 hypertension in the elderly in Hue city

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

78. Minh Duc

Bac Ninh Sports University– Foundation and construction phase

80. Rules of writing and posting.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN THỂ DỤC THỂ THAO NGÀNH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Cẩm Ninh⁽¹⁾; Phạm Thế Vượng⁽²⁾

Tóm tắt:

Bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, tiến hành đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo Cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra. Kết quả đánh giá cho thấy: Chương trình và nội dung chương trình đào tạo cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT có mục tiêu đào tạo rõ ràng, dễ dàng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo và người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành Quản lý TĐTT. Tuy nhiên cần chú trọng hơn các kỹ năng mềm và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý TĐTT. Kết quả nghiên cứu là căn cứ quan trọng để xác định định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT.

Từ khóa: Thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng, ngành Quản lý Thể dục thể thao.

Current status of training activities for Bachelor of Sports in Sports Management major at Bac Ninh Sports University

Summary:

Using regular research methods, evaluate the current status of training activities for bachelor of sports in Sports Management major at Bac Ninh Sports University through factors affecting output quality. The research process shows that: The curriculum and content of the training program for the Bachelor of Sports in Sports Management major has clear training goals, easy access to information about the training program and learners gain the Knowledge and skills necessary for work in the Sports Management major. However, it is necessary to pay more attention to soft skills and career orientation for students majoring in Sports Management major. The research results are an important basis to determine orientations and solutions for the training of bachelor's degrees in Sports Management in the current period.

Keywords: Current status, influencing factors, sports management major.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn hiện nay, nền giáo dục và đào tạo đại học của nước ta đang từng bước chuẩn hóa nội dung đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học theo hướng toàn diện, có chuyên môn sâu, tự chủ, năng động và sáng tạo. Thực hiện chương trình cải cách giáo dục đại học của Chính phủ, đồng thời để tiến kịp trình độ đào tạo cán bộ TĐTT của các trường Đại học TĐTT trong khu vực và trên thế giới, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đang tiến hành cải cách quy mô và chương trình đào tạo, hướng tới nội dung đào tạo mới mang tính khoa học và hiện đại hơn.

Trong những năm gần đây được sự chỉ đạo và quan tâm của Đảng và Nhà nước, TĐTT Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ về quy mô và chất

lượng. Các loại hình tổ chức hoạt động TĐTT ngày càng đa dạng và phong phú, hiệu quả hoạt động ngày càng cao, do vậy nhu cầu về cán bộ tổ chức - quản lý trong mọi lĩnh vực hoạt động TĐTT càng lớn. Chính vì vậy, để đào tạo được các cử nhân ngành quản lý TĐTT đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn công tác quản lý TĐTT ở nước ta trong giai đoạn mới, thì việc đánh giá thực trạng hoạt động đào tạo cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh là việc làm cần thiết và có ý nghĩa.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp toán học thống kê.

⁽¹⁾PGS.TS, ⁽²⁾TS, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh



Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên là một trong những hoạt động quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo cử nhân nói chung và cử nhân ngành Quản lý TDTT Trường ĐH TDTT Bắc Ninh nói riêng

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn, tọa đàm với 30 chuyên gia, cán bộ quản lý và các giảng viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; khảo sát thực trạng 135 cựu sinh viên và sinh viên Ngành Quản lý TDTT.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TDTT Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả khảo sát ý kiến các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên ngành Quản lý TDTT về các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TDTT ngành Quản lý TDTT. Đã chỉ ra 04 yếu tố: Chương trình đào tạo; Đội ngũ giảng viên; Tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá; Cơ sở vật chất, môi trường. Đa số các ý kiến cho rằng 4 yếu tố đều rất ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TDTT ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Để làm rõ thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TDTT ngành Quản lý TDTT, nghiên cứu tiến hành khảo sát ý kiến cựu sinh viên của Khoa Quản lý TDTT. Kết quả khảo sát trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TDTT ngành Quản lý TDTT đều được người học đánh giá từ mức trung bình trở lên, ý kiến đánh giá tập trung nhiều hơn ở mức khá của cả 4 yếu tố.

2. Thực trạng chương trình và nội dung chương trình đào tạo cử nhân TDTT ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để đánh giá sâu hơn thực trạng chương trình đào tạo cử nhân Quản lý TDTT đề tài tiến hành khảo sát 135 cựu sinh viên ngành Quản lý TDTT bằng phiếu hỏi, phiếu hỏi được trả lời theo cách lựa chọn các mức độ: 1= Rất đồng ý; 2= Đồng ý; 3= Phân vân; 4= Không đồng ý. Kết quả trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Người học đánh giá cao mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng và học viên dễ dàng tiếp cận thông

tin về chương trình đào tạo và đề cương các môn học/học phần trong chương trình đào tạo. Các học phần đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, nghiên cứu khoa học trong chương trình đào tạo là hữu ích, song chưa được chú trọng nhiều. Thời lượng các học phần thực hành chưa đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn; Nội dung chương trình đào tạo chưa có tính cập nhật. Tuy nhiên, đa số cựu sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo và môi trường học tập, họ cũng đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành Quản lý TDTT.

3. Thực trạng hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Thực trạng hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được khảo sát qua qua phiếu hỏi. Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Hoạt động tư vấn nghề nghiệp còn chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, đầy đủ; Tổ chức tư vấn ngành nghề chưa nhiều nội dung, chương trình chưa phong phú, đa dạng phù hợp với từng đối tượng; Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách tư vấn nghề nghiệp và đội ngũ tư vấn nghề nghiệp của nhà trường còn hạn chế về trình độ.

BÀI BÁO KHOA HỌC

**Bảng 1. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra của cử nhân TĐTT
Ngành Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh (n=135)**

TT	Các yếu tố	Mức độ đánh giá										Điểm
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	
1	Chương trình đào tạo	15	11.11	79	58.52	41	30.37	0	0	0	0	3.81
2	Đội ngũ giảng viên	52	38.52	76	56.3	7	5.19	0	0	0	0	4.33
3	Tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá	31	22.96	67	49.63	37	27.41	0	0	0	0	3.96
4	Cơ sở vật chất môi trường	13	9.63	77	57.04	45	33.33	0	0	0	0	3.76

**Bảng 2. Thực trạng chương trình và nội dung chương trình đào tạo cử nhân TĐTT Ngành
Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh qua ý kiến đánh giá của người học (n=135)**

TT	Nội dung	Các mức độ								Điểm	Thứ hạng
		1		2		3		4			
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%		
1	Mục tiêu đào tạo của ngành học rõ ràng	75	55.56	52	38.52	8	5.93	0	0	3.49	1
2	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và môn học/học phần phù hợp với yêu cầu của học viên	63	46.67	59	43.7	11	8.15	2	1.48	3.36	4
3	Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo và đề cương các học phần trong chương trình đào tạo	67	49.63	61	45.19	7	5.19	0	0	3.44	2
4	Tỉ lệ phân bổ khối lượng kiến thức, KN chung và kiến thức, KN chuyên môn hợp lý	58	42.96	64	47.41	10	7.41	3	2.22	3.25	5
5	Tỉ lệ giữa các học phần lý thuyết và thực hành là hợp lý	22	16.3	36	26.67	32	23.7	45	33.33	2.26	6
6	Thời lượng các học phần thực hành đủ để hình thành các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn	21	15.56	32	23.7	32	23.7	51	37.78	2.19	7
7	Các học phần đào tạo KN mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, NCKH trong chương trình đào tạo là hữu ích	73	54.07	47	34.81	15	11.11	0	0	3.43	3
8	Các học phần đào tạo KN mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, NCKH được chú trọng trong chương trình đào tạo	20	14.81	31	22.96	38	28.15	46	34.07	2.19	7
9	Đào tạo ngoại ngữ trong chương trình phù hợp với yêu cầu xã hội	17	12.59	23	17.04	40	29.63	55	40.74	2.01	9
10	Nội dung chương trình đào tạo có tính cập nhật	18	13.33	32	23.7	38	28.15	47	34.81	2.16	8

4. Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TĐTT Ngành Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Để đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh đề tài khảo sát 37 cơ quan, doanh nghiệp sử dụng Cử nhân Quản lý TĐTT. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng Cử nhân ngành Quản lý TĐTT đều đánh giá họ đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về kiến thức chung và chuyên môn từ mức trung

bình trở lên. Các kỹ năng chung và chuyên môn chủ yếu được đánh giá mức độ đáp ứng từ trung bình trở lên, tuy nhiên vẫn còn kỹ năng bị đánh giá ở mức yếu, kém. Thái độ nghề nghiệp của các Cử nhân Quản lý TĐTT được đánh giá cao trong thực tiễn, duy chỉ có tiêu chí: Đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển đơn vị là còn hạn chế.

KẾT LUẬN

Qua đánh giá thực trạng công tác đào tạo cử nhân TĐTT ngành Quản lý TĐTT cho thấy: Các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng đầu ra được người học đánh giá từ mức trung bình trở lên đảm bảo cho công tác đào tạo Cử nhân ngành

Bảng 3. Thực trạng hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên Ngành Quản lý TDTT (n=135)

TT	Nội dung đánh giá	Các mức độ								Điểm	Thứ hạng
		1		2		3		4			
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%		
I	<i>Hình thức tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp</i>										
1	Tuần giáo dục chính trị đầu khóa học giúp SV hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và định hướng tương lai của SV	96	71.11	39	28.89	0	0	0	0	3.71	1
2	Các hoạt động TDTT, giải truyền thống do Nhà trường/ khoa/ bộ môn tổ chức có tác dụng thiết thực nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV	78	57.78	51	37.78	6	4.44	0	0	3.53	2
3	SV được hỗ trợ tìm việc làm thêm trong quá trình học tập	69	51.11	55	40.74	11	8.15	0	0	3.43	3
4	Hàng năm khoa/trường tổ chức các buổi tư vấn về việc làm cho SV	32	23.7	33	24.44	43	31.85	27	20	2.52	6
5	Các buổi tư vấn về việc làm của Khoa/Trường tổ chức thực sự có hiệu quả với SV	48	35.56	30	22.22	57	42.22	0	0	2.93	5
6	Cán bộ Đoàn TN của trường quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho SV tham gia các loại hình CLB thể hiện năng lực và chuyên môn của SV	64	47.41	58	42.96	13	9.63	0	0	3.38	4
7	Hoạt động tư vấn nghề nghiệp được tiến hành thường xuyên, liên tục, đầy đủ	21	15.56	23	17.04	56	41.48	35	25.93	2.22	7
II	<i>Nội dung định hướng nghề nghiệp</i>										
8	Đã tư vấn giúp người học tự lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở phân tích, đánh giá đặc điểm nhân cách cá nhân phù hợp với nghề nghiệp	27	20	28	20.74	66	48.89	14	10.37	2.5	2
9	Đã tư vấn cho người học ngành nghề có thể lựa chọn và những yêu cầu về kiến thức, KN cần thiết trong từng nghề nghiệp	41	30.37	45	33.33	49	36.3	0	0	2.94	1
10	Tổ chức tư vấn ngành nghề với nhiều nội dung, chương trình phong phú, đa dạng phù hợp với từng đối tượng	0	0	22	16.3	51	37.78	62	45.93	1.7	3
III	<i>Nhân lực tiến hành tư vấn nghề nghiệp</i>										
11	Giảng viên, cán bộ khoa/bộ môn chuyên ngành	76	56.3	39	28.89	20	14.81	0	0	3.41	1
12	Có bộ phận chuyên trách tư vấn nghề nghiệp	0	0	0	0	64	47.41	71	52.59	1.47	3
13	Đội ngũ tư vấn nghề nghiệp của nhà trường có trình độ và chuyên nghiệp	0	0	37	27.41	35	25.93	63	46.67	1.81	2

Quản lý TDTT (ý kiến đánh giá tập trung nhiều hơn ở mức khá); Chương trình và nội dung chương trình đào tạo có mục tiêu đào tạo rõ ràng. Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về chương trình đào tạo và họ cũng đã được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành Quản lý TDTT; Hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Quản lý TDTT còn nhiều hạn chế cần được khắc phục; Đa số Cử nhân Quản lý TDTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực Quản lý TDTT của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017 về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.*
2. Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Dũng (2003), *Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực con người ở Việt Nam*, Nxb Lao động – Xã hội.
4. Lưu Quang Hiệp (2013), “Thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 các tỉnh phía Bắc”, *Đề tài khoa học và công*

Bảng 4. Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân Ngành Quản lý TĐTT qua đánh giá của Cơ quan/doanh nghiệp sử dụng lao động (n=37)

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá										Điểm
		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	
I Kiến thức chung và chuyên môn												
1	Kiến thức chuyên ngành	3	8.11	15	40.54	19	51.35	0	0	0	0	3.57
2	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	3	8.11	16	43.24	18	48.65	0	0	0	0	3.59
3	Kiến thức pháp luật liên quan đến ngành nghề	1	2.7	14	37.84	22	59.46	0	0	0	0	3.43
4	Kiến thức xã hội, tự nhiên về ngành nghề	4	10.81	19	51.35	14	37.84	0	0	0	0	3.73
II Kỹ năng làm việc và năng lực tự chủ												
<i>Kỹ năng chung</i>												
1	Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn	5	13.51	15	40.54	16	43.24	1	2.7	0	0	3.65
2	Kỹ năng giao tiếp	6	16.22	14	37.84	17	45.95	0	0	0	0	3.7
3	Kỹ năng tư duy sáng tạo	2	5.41	8	21.62	22	59.46	3	8.11	2	5.41	3.14
4	Kỹ năng xử lý dữ liệu và thông tin	4	10.81	11	29.73	19	51.35	2	5.41	1	2.7	3.41
5	Kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề	5	13.51	13	35.14	13	35.14	6	16.22	0	0	3.46
6	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện	3	8.11	12	32.43	20	54.05	2	5.41	0	0	3.43
7	Khả năng làm việc độc lập	7	18.92	14	37.84	15	40.54	1	2.7	0	0	3.7
8	Kỹ năng làm việc nhóm	8	21.62	10	27.03	17	45.95	2	5.41	0	0	3.65
9	Kỹ năng ngoại ngữ	3	8.11	6	16.22	19	51.35	4	10.81	5	13.51	2.94
10	Kỹ năng tin học	8	21.62	15	40.54	14	37.84	0	0	0	0	3.84
11	Khả năng thích nghi với môi trường làm việc	11	29.73	14	37.84	12	32.43	0	0	0	0	3.97
12	Khả năng tự học và phát triển chuyên môn	6	16.22	9	24.32	18	48.65	3	8.11	1	2.7	3.43
<i>Kỹ năng chuyên môn</i>												
1	Năng lực xây dựng các loại kế hoạch phát triển TĐTT của đơn vị	5	13.51	13	35.14	17	45.95	2	5.41	0	0	3.57
2	Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch TĐTT	4	10.81	14	37.84	16	43.24	3	8.11	0	0	3.51
3	Kỹ năng tư vấn TĐTT xã hội	7	18.92	15	40.54	15	40.54	0	0	0	0	3.78
4	Kỹ năng tổ chức hoạt động thi đấu thể thao	6	16.22	11	29.73	20	54.05	0	0	0	0	3.62
5	Kỹ năng tiếp thị thể thao	5	13.51	12	32.43	20	54.05	0	0	0	0	3.59
6	Năng lực quản lý công trình TĐTT	5	13.51	14	37.84	17	45.95	1	2.7	0	0	3.62
7	Kỹ năng tổ chức hoạt động TĐTT xã hội	8	21.62	10	27.03	19	51.35	0	0	0	0	3.7
8	Kỹ năng thông tin tuyên truyền các sự kiện TĐTT	8	21.62	13	35.14	16	43.24	0	0	0	0	3.78
9	Năng lực giảng dạy quản lý TĐTT theo chuyên đề	6	16.22	10	27.03	14	37.84	5	13.51	2	5.41	3.35
III Thái độ nghề nghiệp												
1	Đạo đức nghề nghiệp	12	32.43	25	67.57	0	0	0	0	0	0	4.32
2	Ý thức tổ chức kỷ luật	19	51.35	18	48.65	0	0	0	0	0	0	4.51
3	Tinh thần trách nhiệm với công việc	17	45.95	20	54.05	0	0	0	0	0	0	4.46
4	Tinh thần học hỏi, cầu thị trong công việc	11	29.73	19	51.35	7	18.92	0	0	0	0	4.11
5	Đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển đơn vị	2	5.41	10	27.03	22	59.46	1	2.7	2	5.41	3.24

nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh (2018), Quyết định số 1106/QĐ-TĐTTBN ngày 20/12/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt

động của Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

(Bài nộp ngày 19/4/2024, phản biện ngày 14/5/2024, duyệt in ngày 20/6/2024

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Cẩm Ninh; Email: camninhvuong@gmail.com)



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

Số 3 -2024
(82)

